

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

**NCS TRẦN THẾ LŨ**

**HUY ĐỘNG NGUỒN TÀI CHÍNH TẠI CÁC CƠ SỞ  
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP Ở VIỆT NAM**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**Hà Nội - 2018**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**NCS TRẦN THẾ LỮ**

**HUY ĐỘNG NGUỒN TÀI CHÍNH TẠI CÁC CƠ SỞ  
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP Ở VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng**  
**Mã số: 9.34.02.01**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Dương Đăng Chinh**

**Hà Nội - 2018**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan bản luận án “*Huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập ở Việt Nam*” là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, tư liệu sử dụng trong Luận án là trung thực và có nguồn gốc, có xuất xứ rõ ràng và được ghi trong tài liệu tham khảo.

**NGHIÊN CỨU SINH**

**TRẦN THẾ LŨ**

## **LỜI CẢM ƠN**

Nghiên cứu sinh xin bày tỏ sự biết ơn sâu sắc tới PGS.TS. Dương Đăng Chinh đã nhiệt tình hướng dẫn để nghiên cứu sinh có thể hoàn thành luận án này.

Nghiên cứu sinh trân trọng cảm ơn những ý kiến đóng góp chân thành và quý báu của các nhà khoa học, sự hỗ trợ nhiệt tình của các nhà quản lý tại các đơn vị trong quá trình thu thập tài liệu khi thực hiện luận án. Nghiên cứu sinh chân thành cảm ơn Ban giám đốc Học viện Tài chính đã tạo mọi điều kiện về vật chất và tinh thần, giúp nghiên cứu sinh hoàn thành luận án.

Cuối cùng, nghiên cứu sinh xin bày tỏ lời cảm ơn tới gia đình và bạn bè đã động viên, giúp đỡ nghiên cứu sinh trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành Luận án này.

**NGHIÊN CỨU SINH**

**TRẦN THẾ LŨ**

## MỤC LỤC

|                                                                                                                  |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>MỞ ĐẦU .....</b>                                                                                              | <b>1</b>  |
| 1. Tính cấp thiết của đề tài Luận án .....                                                                       | 1         |
| 2. Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến Luận án .....                                                 | 3         |
| 3. Mục tiêu nghiên cứu .....                                                                                     | 9         |
| 4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....                                                                         | 10        |
| 5. Phương pháp nghiên cứu .....                                                                                  | 10        |
| 6. Kết cấu của luận án .....                                                                                     | 12        |
| <b>Chương 1. LÝ LUẬN VỀ HUY ĐỘNG NGUỒN TÀI CHÍNH TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP .....</b>           | <b>13</b> |
| <b>1.1. Giáo dục nghề nghiệp và hệ thống giáo dục nghề nghiệp .....</b>                                          | <b>1</b>  |
| 1.1.1. Khái niệm giáo dục nghề nghiệp .....                                                                      | 13        |
| 1.1.2. Đặc điểm giáo dục nghề nghiệp .....                                                                       | 14        |
| 1.1.3. Vai trò giáo dục nghề nghiệp với phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia .....                       | 17        |
| 1.1.4. Hệ thống Giáo dục nghề nghiệp .....                                                                       | 20        |
| <b>1.2. Huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập .....</b>                           | <b>1</b>  |
| 1.2.1. Nguồn tài chính và huy động nguồn tài chính .....                                                         | 1         |
| 1.2.2. Nội dung huy động các nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập .....                   | 1         |
| 1.2.3. Các kênh huy động các nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập .....                   | 1         |
| <b>1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập .....</b> | <b>1</b>  |
| 1.3.1. Các nhân tố khách quan .....                                                                              | 45        |
| 1.3.2. Các nhân tố chủ quan .....                                                                                | 1         |

|                                                                                                                                           |            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>1.4. Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mong muốn của sinh viên được đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp .....</b>    | <b>1</b>   |
| <b>1.5. Kinh nghiệm huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của một số quốc gia và bài học đối với Việt Nam .....</b> | <b>1</b>   |
| 1.5.1. Kinh nghiệm của một số quốc gia.....                                                                                               | 1          |
| 1.5.2. Những bài học cho Việt Nam .....                                                                                                   | 1          |
| <b>TIÊU KẾT CHƯƠNG 1.....</b>                                                                                                             | <b>77</b>  |
| <b>Chương 2. THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG NGUỒN TÀI CHÍNH TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP Ở VIỆT NAM .....</b>                         | <b>79</b>  |
| <b>2.1. Tổng quan về giáo dục nghề nghiệp công lập ở Việt Nam.....</b>                                                                    | <b>79</b>  |
| 2.1.1. Những kết quả đạt được trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp công lập                                                                | 79         |
| 2.1.2. Hạn chế và nguyên nhân trong lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam .....                                                        | 88         |
| 2.1.3. Chính sách tài chính đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập                                                               | 92         |
| <b>2.2. Thực trạng huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.....</b>                                          | <b>98</b>  |
| 2.2.1. Thực trạng huy động nguồn tài chính từ ngân sách Nhà nước tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.....                         | 98         |
| 2.2.2. Thực trạng huy động từ nguồn tài chính ngoài ngân sách Nhà nước.....                                                               | 102        |
| 2.2.3. Kết quả mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mong muốn của sinh viên được đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.....  | 113        |
| <b>2.3. Đánh giá chung thực trạng huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.....</b>                           | <b>116</b> |
| 2.3.1. Những kết quả đạt được.....                                                                                                        | 116        |
| 2.3.2. Những hạn chế.....                                                                                                                 | 118        |
| 2.3.3. Một số nguyên nhân .....                                                                                                           | 127        |
| <b>TIÊU KẾT CHƯƠNG 2.....</b>                                                                                                             | <b>131</b> |

|                                                                                                                         |     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| <b>Chương 3. GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG NGUỒN TÀI CHÍNH TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP Ở VIỆT NAM</b>              | 133 |
| <b>3.1. Mục tiêu phát triển giáo dục nghề nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030</b>                         | 133 |
| <b>3.2. Những quan điểm về huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập ở Việt Nam</b>          | 134 |
| <b>3.3. Giải pháp huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập</b>                              | 139 |
| 3.3.1. Đổi mới chi Ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp nhằm đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính từ NSNN | 139 |
| 3.3.2. Giải pháp huy động nguồn tài chính ngoài ngân sách Nhà nước                                                      | 148 |
| <b>3.4. Điều kiện thực hiện</b>                                                                                         | 163 |
| 3.4.1. Rà soát nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý tài chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp                          | 163 |
| 3.4.2. Hoàn thiện cơ chế tự chủ, phát triển xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp                              | 168 |
| <b>TIÊU KẾT CHƯƠNG 3</b>                                                                                                | 174 |
| <b>KẾT LUẬN</b>                                                                                                         | 175 |
| <b>CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ</b>                                                                   | 177 |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>                                                                                      | 178 |

## **DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

|           |                                  |
|-----------|----------------------------------|
| ADB       | Ngân hàng phát triển Châu Á      |
| ASEAN     | Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á |
| Bộ GD&ĐT  | Bộ Giáo dục và Đào tạo           |
| CBVC      | Cán bộ viên chức                 |
| CDN       | Cao đẳng nghề                    |
| CNH & HĐH | Công nghiệp hóa và hiện đại hóa  |
| CSNN      | Cơ sở nghề nghiệp                |
| CSVC      | Cơ sở vật chất                   |
| FDI       | Đầu tư trực tiếp nước ngoài      |
| GDDH      | Giáo dục đại học                 |
| GDNN      | Giáo dục nghề nghiệp             |
| GDP       | Tổng sản phẩm quốc nội           |
| GV        | Giảng viên                       |
| GVDN      | Giáo viên dạy nghề               |
| KH&CN     | Khoa học và công nghệ            |
| KT - XH   | Kinh tế - xã hội                 |
| KTQT      | Kinh tế quốc tế                  |
| LĐ-TB-XH  | Lao động - Thương binh – Xã hội  |
| MTEF      | Khuôn khổ tài chính trung hạn    |
| NCKH      | Nghiên cứu khoa học              |
| NCS       | Nghiên cứu sinh                  |
| NHTM      | Ngân hàng Thương mại             |
| NSNN      | Ngân sách Nhà nước               |
| QLTC      | Quản lý tài chính                |
| SCN       | Sơ cấp nghề                      |
| SV        | Sinh viên                        |
| TCN       | Trung cấp nghề                   |
| TCTC      | Tự chủ tài chính                 |
| THCS      | Trung học cơ sở                  |
| TSCĐ      | Tài sản cố định                  |
| XDCB      | Xây dựng cơ bản                  |

## **DANH MỤC BẢNG**

|                                                                                                                                                              |     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Bảng 1.1. Diễn giải các biến trong mô hình nghiên cứu .....                                                                                                  | 62  |
| Bảng 2.1. Số lượng giáo viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập năm 2017.....                                                                     | 82  |
| Bảng 2.2. Chi ngân sách Nhà nước cho hệ thống giáo dục nghề nghiệp (chủ yếu là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập) so với tổng chi ngân sách Nhà nước ..... | 98  |
| Bảng 2.3. Cơ cấu hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập năm 2017 phân theo các vùng kinh tế .....                                                      | 100 |
| Bảng 2.4. Nguồn tài chính ngoài ngân sách Nhà nước.....                                                                                                      | 103 |
| Bảng 2.5. So sánh nguồn tài chính từ ngân sách Nhà nước và ngoài ngân sách Nhà nước.....                                                                     | 105 |
| Bảng 2.6. Thống kê các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được khảo sát.....                                                                                         | 114 |

## **DANH MỤC ĐỒ THỊ**

|                                                                                                            |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Đồ thị 1.1. Cân bằng cung cầu dịch vụ giáo dục nghề nghiệp tạo ra giá cả dịch vụ giáo dục nghề nghiệp..... | 38 |
| Đồ thị 1.2. Mô phỏng chu kỳ kinh tế .....                                                                  | 46 |

## **DANH MỤC SƠ ĐỒ**

|                                                                                                                         |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Sơ đồ 1.1. Khung nghiên cứu của Luận án .....                                                                           | 11 |
| Sơ đồ 1.2. Tác động của các nhân tố khách quan.....                                                                     | 54 |
| Sơ đồ 1.3. Cơ cấu nguồn nhân lực trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp .....                                             | 55 |
| Sơ đồ 1.4. Các nhân tố chủ quan tác động đến huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập ..... | 59 |
| Sơ đồ 1.5. Mô hình nghiên cứu đề xuất các nhân tố ảnh hưởng đến cảm nhận mong muốn theo học nghề của học viên.....      | 61 |

## **MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài Luận án**

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao luôn là đòi hỏi của mỗi quốc gia, của mỗi nền kinh tế. Giáo dục nghề nghiệp (GDNN) là một trong những kênh để đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế. Mục tiêu của GDNN là tạo bước chuyển biến rõ nét, thực chất về chất lượng, hiệu quả GDNN đáp ứng yêu cầu của người học, thị trường lao động và doanh nghiệp, đặc biệt là những ngành đòi hỏi kỹ thuật, công nghệ cao của cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Trong bối cảnh hiện nay, GDNN công lập ở Việt Nam đang đứng trước nhiều thách thức. Ngân sách nhà nước (NSNN) tính trên đầu sinh viên đã giảm xuống rất nhanh, một mặt, tạo ra nguy cơ giảm sút chất lượng đào tạo, mặt khác, buộc phải huy động thêm nguồn tài chính ngoài NSNN, thông qua các kênh như tăng học phí, tăng cường liên doanh liên kết, tận dụng cơ hội sử dụng lao động của các tổ chức kinh tế và các doanh nghiệp, tăng sự hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp cho đối tượng là người học, làm giảm khả năng tiếp cận GDNN của nhiều thanh niên, tạo sự chưa công bằng trong GDNN. Bên cạnh đó, để tăng thêm nhiều nguồn thu, cơ sở GDNN cần mở thêm nhiều hình thức đào tạo ngắn hạn, dài hạn..., hợp đồng nghiên cứu khoa học, đáp ứng yêu cầu học tập của xã hội.

Theo mục tiêu Chiến lược phát triển KT-XH, đến năm 2020 nước ta về cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Để đạt mục tiêu đó, Đảng và Nhà nước ta đã xác định phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba giải pháp đột phá chiến lược, trong đó GDNN có vai trò hết sức quan trọng (trong tổng số nhân lực qua đào tạo thì nhu cầu về nhân lực qua GDNN chiếm tới gần 80%). Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt Chiến lược phát triển GDNN thời kỳ 2011-2020 với

mục tiêu đến năm 2020 GDNN đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; chất lượng đào tạo của một số nghề đạt trình độ các nước phát triển trong khu vực ASEAN và trên thế giới.

Để thực hiện được những nhiệm vụ đó, nhân tố quan trọng được coi là “huyết mạch” đó là nguồn tài chính phục vụ cho GDNN. Trong điều kiện khả năng của NSNN còn hạn chế, song song với đó là việc triển khai về tăng cường tính tự chủ, đặc biệt là tự chủ về tài chính theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp công lập thì việc chỉ trông chờ vào nguồn kinh phí từ Ngân sách Nhà nước là rất hạn chế. Chính vì vậy, việc tăng cường huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN ở Việt Nam là hết sức cấp thiết nhằm phát huy tính chủ động và thực hiện mục tiêu phát triển GDNN của các cơ sở GDNN hiện nay ở Việt Nam.

Trong những năm gần đây, Nhà nước đã quan tâm nhiều về lĩnh vực GDNN, đặc biệt là ban hành nhiều cơ chế tài chính tạo điều kiện cho các cơ sở GDNN nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng quy mô đào tạo. Các cơ sở GDNN không ngừng tự đổi mới, nâng cao uy tín, danh tiếng, cải tiến nội dung chương trình giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội; không ngừng tìm kiếm các cơ hội liên kết với các đối tác trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng và cung ứng nguồn nhân lực tốt cho xã hội. Tuy nhiên, nguồn lực tài chính vẫn chưa đáp ứng được đòi hỏi của các cơ sở GDNN và cần phải ngày càng hoàn thiện cơ chế để huy động nguồn tài chính, đặc biệt nguồn tài chính ngoài NSNN.

Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố trước đây và những vấn đề chưa được làm rõ về mặt lý luận và thực tiễn về huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập, với mong muốn giải quyết các vấn đề còn bỏ ngỏ của các công trình nghiên cứu trước đây, nghiên

cứu sinh đã chọn đề tài “*Huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập ở Việt Nam*” để làm Luận án tiến sĩ kinh tế.

## **2. Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến Luận án**

Cùng với quá trình đổi mới cơ chế quản lý nền kinh tế, các chính sách, cơ chế tài chính cho GDNN cũng đã và đang từng bước được đổi mới và hoàn thiện nhằm huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội và nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển lĩnh vực này.

### **▪ *Những công trình nghiên cứu về đổi mới cơ chế quản lý tài chính cho giáo dục đào tạo nói chung và cho giáo dục nghề nghiệp nói riêng***

- Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, (2012), “Đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT Việt Nam”. Cuốn sách bàn về vai trò, vị trí của dạy nghề trong nền kinh tế thị trường. Trong phần II của cuốn sách - “Đổi mới và phát triển dạy nghề ở Việt Nam”, các nhà khoa học, nhà quản lý đã nghiên cứu, phân tích những quan điểm của Đảng, đánh giá những chính sách của Nhà nước về phát triển dạy nghề ở nước ta và đưa ra các luận điểm về vai trò, vị trí của dạy nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội, là vấn đề quan trọng hàng đầu trong đổi mới căn bản toàn diện giáo dục Việt Nam. Trong đó, trọng tâm là đổi mới quản lý nhà nước và hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo động lực phát triển dạy nghề; đẩy mạnh xã hội hóa và mở rộng hợp tác quốc tế; huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước cùng với việc tăng đầu tư từ NSNN để thực hiện đổi mới và phát triển dạy nghề. Bên cạnh đó, công trình đã hệ thống hóa những vấn đề mang tính lý luận về GDNN, các hệ thống GDNN, các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển GDNN.

- Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ) (2007), “Cấp tài chính cho dạy nghề Việt Nam”, đã tiến hành thực hiện tìm hiểu thực tế nhằm đánh giá thực trạng cấp tài chính cho dạy nghề và đề xuất các hoạt động tiếp theo cần thực hiện để hướng đến một hệ thống cấp tài chính bền vững cho dạy nghề. Mặt được của bản báo cáo này là đã trình bày tổng quan về thực trạng cấp tài chính

cho Dạy nghề ở Việt Nam ở các cơ sở dạy nghề công lập, các cơ sở dạy nghề tư nhân, các cơ sở dạy nghề thuộc doanh nghiệp; đề cập tới các chính sách phù hợp của Chính phủ đối với đổi mới cơ chế cấp tài chính cho dạy nghề; báo cáo cũng đưa ra một số vấn đề và các giải pháp lựa chọn về tài chính dạy nghề và khẳng định việc tiếp tục xây dựng hệ thống tài chính chỉ là một phần việc trong toàn bộ quá trình đổi mới dạy nghề, và cơ chế tài chính mới sẽ chỉ mang lại tác động mong đợi khi nó được thực thi cùng với việc đổi mới các thành tố khác của hệ thống.

- Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2012), Nghiên cứu của các chuyên gia công bố tại Hội nghị khu vực về đào tạo nghề tại Việt Nam. Các bài viết nêu tài chính bền vững cho đào tạo nghề là một yếu tố quan trọng để thực hiện chức năng của các hệ thống đào tạo nghề. Đặc biệt là mối quan hệ trực tiếp giữa việc đảm bảo nguồn lực tài chính đầy đủ cho đội ngũ giáo viên dạy nghề có năng lực, cơ sở vật chất học nghề... và chất lượng đầu ra được kỳ vọng để thực hiện đào tạo nghề theo các tiêu chuẩn nghề. Việc nâng cao chất lượng đầu ra thường hàm ý là việc tăng thêm các yêu cầu về tài chính. Nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho người học phải dựa trên chất lượng của đội ngũ giáo viên, chất lượng của giáo trình và chương trình giảng dạy, thêm vào đó là cơ sở vật chất phục vụ quá trình đào tạo.

Ở Việt Nam và nhiều nước ASEAN khác, việc tăng thêm các yêu cầu về tài chính cũng xuất phát từ công tác mở rộng hệ thống đào tạo nghề do gia tăng dân số và nhu cầu đang tăng lên về nhân lực có chất lượng. Trước bối cảnh gia tăng cạnh tranh đối với những nguồn lực tài chính công có hạn cũng như các yêu cầu tài chính cho việc mở rộng số lượng và nâng cao chất lượng đào tạo nghề theo nhu cầu khiến việc đảm bảo tài chính bền vững cho đào tạo nghề trở thành một thách thức chính và là vấn đề then chốt của các nỗ lực phát triển đào tạo nghề. Về mặt này, việc giải quyết các yêu cầu tài chính đối với đào tạo

nghe hướng cầu là một vấn đề rất quan trọng. Nó bao gồm thông tin về chi phí thực tế, các nguồn phát sinh chi phí chính và các chi phí giới hạn theo tính khả thi. Một vấn đề quan trọng khác đó là huy động các nguồn tài trợ bổ sung cho tài chính công, tập trung chủ yếu vào các khoản đóng góp của các doanh nghiệp và các học viên (từ cha mẹ) với vai trò là các bên tham gia và những người hưởng lợi. Vấn đề cốt yếu thứ ba đó là quản lý và phân bổ nguồn vốn, tập trung vào tính minh bạch, trách nhiệm giải trình cũng như hiệu suất và hiệu quả của nguồn vốn thông qua cơ chế phân bổ dựa trên sự thực hiện. Báo cáo nêu cũng đưa ra được những vấn đề mang tính lý luận về các nguồn tài chính đầu tư cho dạy nghề, cơ chế quản lý tài chính dạy nghề, các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế quản lý tài chính dạy nghề; kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về cơ chế quản lý tài chính dạy nghề và bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam.

- Nguyễn Trường Giang (2012), “Đổi mới cơ chế tài chính gắn với nâng cao chất lượng đào tạo đại học”, kỷ yếu Hội thảo “Đổi mới cơ chế tài chính đối với giáo dục đại học” do Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội và Bộ Tài chính phối hợp tổ chức. Bài viết đã nêu và phân tích yêu cầu và cơ sở pháp lý thực hiện đổi mới; Thực trạng cơ chế tài chính phục vụ yêu cầu đổi mới đối với giáo dục đại học. Từ đó thấy được những yêu cầu thực tiễn đòi hỏi đổi mới và đề xuất một số giải pháp đổi mới cơ chế tài chính như: từng bước tính đủ chi phí đào tạo cần thiết trong học phí; đổi mới cơ chế phân bổ nguồn lực từ NSNN; đổi mới cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm tài chính đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập; đổi mới cơ chế hỗ trợ chi phí đào tạo đối với người học; có chính sách khuyến khích, gắn kết giữa đào tạo với NCKH...

▪ ***Các công trình nghiên cứu về cơ chế huy động nguồn tài chính cho giáo dục nghề nghiệp nói riêng và giáo dục đào tạo nói chung***

- Bùi Tiến Hanh (2007), “Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam”, Luận án tiến sĩ. Luận án đã luận giải và khẳng định sự

cần thiết khách quan phải thực hiện xã hội hóa giáo dục ở nước ta trong tiến trình tiến lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Và để thực hiện xã hội hóa giáo dục thành công, thì một trong những đầu vào rất quan trọng cần phải quan tâm hoàn thiện là cơ chế quản lý tài chính. Những vấn đề lý luận về cơ chế quản lý tài chính đối với xã hội hóa giáo dục ở nước ta cũng đã được tác giả của bản luận án này luận giải một cách khá đầy đủ và chặt chẽ. Từ các vấn đề lý luận đã nêu, luận án đã đi sâu phân tích đánh giá thực trạng cơ chế quản lý tài chính đối với xã hội hóa giáo dục ở nước ta những năm trước 2006 và chỉ rõ những điểm mạnh, điểm yếu của chính cơ chế này. Trên cơ sở thực trạng và gắn kết với những yêu cầu, những quan điểm đổi mới cơ chế quản lý tài chính xã hội hóa giáo dục những năm tiếp theo kể từ năm 2007, luận án đã đề xuất một hệ thống các giải pháp có tính khả thi cho việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính xã hội hóa giáo dục Việt Nam giai đoạn 2007- 2010 và định hướng đến 2015.

- Trương Anh Dũng (2014), “Đổi mới cơ chế quản lý tài chính thúc đẩy phát triển đào tạo nghề đến năm 2020”, Luận án Tiến sĩ. Luận án đưa ra cơ sở lý luận cơ bản và thực trạng về cơ chế quản lý tài chính cho đào tạo nghề. Luận án cũng đã đánh giá được các nguồn lực cũng như cơ chế quản lý tài chính cho đào tạo nghề trong thời gian qua để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính cho GDNN để phát triển dạy nghề nói chung thời gian tới mà chưa đề cập sâu đến GDNN chất lượng cao. Ngoài ra, hướng tiếp cận của luận án tập trung về cơ chế quản lý tài chính đối với nguồn vốn trong nước (NSNN cấp và thu sự nghiệp) mà chưa đề cập đến nguồn kinh phí cho đào tạo nghề nước ngoài (tài trợ, vay ODA...).

- Viện Nghiên cứu Khoa học dạy nghề, Tổng cục giáo dục nghề nghiệp (2014), “Một số giải pháp đầu tư đồng bộ phát triển nghề trọng điểm”, đề tài cấp Bộ. Đề tài tập trung nghiên cứu khung phương pháp luận xác định nghề trọng điểm, những vấn đề mang tính lý luận về giải pháp tài chính cho đào tạo

ngành chất lượng cao, bao gồm khái niệm và các nội dung chủ yếu của giải pháp tài chính cho đào tạo ngành chất lượng cao; kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về giải pháp tài chính cho đào tạo ngành chất lượng cao và bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam. Ngoài ra, công trình đã hệ thống các tiêu chí, chỉ tiêu, quy trình và phương pháp triển khai đầu tư đồng bộ các ngành trọng điểm và đề xuất một số giải pháp mang tính khả thi về đầu tư đồng bộ phát triển các ngành trọng điểm phù hợp với bối cảnh và điều kiện của Việt Nam.

- Khương Thị Nhân (2016), “Giải pháp tài chính cho đào tạo ngành chất lượng cao”, Luận án Tiến sĩ. Luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận về GDNN và tài chính để đào tạo ngành chất lượng cao, bao gồm khái niệm nội dung, nội hàm và hệ thống các tiêu chí, chỉ tiêu, quy trình và phương pháp triển khai đầu tư đồng bộ để đào tạo ngành chất lượng cao. Bức tranh về thực trạng đầu tư đồng bộ phát triển các ngành chất lượng cao phù hợp với bối cảnh và điều kiện của Việt Nam đã được công trình khắc họa rõ nét. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp mang tính khả thi về đầu tư cho đào tạo ngành chất lượng cao ở Việt nam trong những năm tới.

Ngoài các công trình nghiên cứu trên đây, còn có một số công trình nghiên cứu về tài chính cho GDNN ở cấp độ Luận án tiến sĩ và các nghiên cứu ở các địa phương cụ thể. Các công trình đã hệ thống hóa cách hệ thống và đầy đủ về huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập ở Việt Nam. Tuy nhiên, khai thác nghiên cứu về huy động nguồn tài chính cho GDNN công lập trong những năm gần đây thì chưa có nhiều công trình nghiên cứu. Do vậy, NCS đã chọn đề tài “Huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập ở Việt Nam” để nghiên cứu và làm Luận án tiến sĩ kinh tế với kỳ vọng là sẽ kế thừa có chọn lọc những nghiên cứu có liên quan; hệ thống hoá và làm rõ thêm những vấn đề lý luận về GDNN, nội dung và cơ chế huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập; chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng, cũng như tổ chức thực hiện huy động nguồn tài

chính tại các cơ sở GDNN công lập ở Việt Nam, từ đó đề xuất được giải pháp có tính khoa học và thực tiễn nhằm hoàn thiện cơ chế huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập Việt Nam thời gian tới.

Không có nhiều công trình ở nước ngoài có đối tượng nghiên cứu giống đề tài nghiên cứu. Các nghiên cứu lý thuyết thường tập trung vào khía cạnh làm thế nào để huy động được nguồn tài chính đối với các cơ sở GDNN. Các nghiên cứu chủ yếu lý giải sự cần thiết khách quan phải huy động nguồn tài chính cho GDNN, ở các nước xuất phát từ tính ưu việt của Nhà nước trong việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ công cho phù hợp với thị hiếu người dân, hiểu được nhu cầu và sở thích của người dân. Các công trình cũng tập trung đề cập chi phí và lợi ích của Giáo dục, đào tạo nghề, nghiên cứu dưới góc độ kinh tế vĩ mô và vi mô. Phương thức cấp phát nguồn tài chính cho các cơ sở đào tạo nghề cũng được các nghiên cứu theo hướng đào tạo theo đơn đặt hàng và gắn với nhu cầu của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, các nghiên cứu trên chưa giải quyết sâu sự tác động của nguồn tài chính với từng yếu tố tạo nên chất lượng đào tạo nghề, trong điều kiện đào tạo nghề theo đơn đặt hàng thì khâu nào giữ vai trò quan trọng khi huy động nguồn tài chính.

#### ▪ *Khoảng trống trong nghiên cứu*

Qua nghiên cứu nội dung các công trình đã công bố trong nước và nước ngoài, NCS đã tổng hợp một cách khái quát các vấn đề còn nổi cộm hay là khoảng trống trong nghiên cứu. Các vấn đề đó là:

**Một là**, do phạm vi nghiên cứu về chủ đề huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN, các công trình nghiên cứu kể trên nhất là Luận án tiến sĩ và các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ mới chỉ tập trung nghiên cứu trên diện rộng ở tầm vĩ mô, chưa có điều kiện nghiên cứu sâu về từng khâu tác động đến chất lượng tại các cơ sở GDNN.

**Hai là**, đa phần các công trình nghiên cứu chưa nghiên cứu sâu đến nội dung GDNN theo đơn đặt hàng, mà vẫn nghiên cứu trong điều kiện các cơ sở GDNN đào tạo theo chỉ tiêu của Nhà nước. Và đặc biệt, các nghiên cứu chưa đề cập đến nội dung các cơ sở GDNN khi triển khai cung cấp dịch vụ công và tính đủ chi phí của dịch vụ thì gặp những khó khăn gì.

**Ba là**, Ngoài ra, một vấn đề nổi cộm trong thực tiễn hiện nay chưa được nghiên cứu và giải quyết, đó là cơ chế huy động nguồn tài chính theo các kênh: NSNN, giá dịch vụ, liên doanh liên kết và từ doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước... Ngoài ra, chưa được nghiên cứu định lượng để có mô hình hoặc phiếu khảo sát để minh chứng hiệu quả huy động tài chính cho GDNN. Đây có thể là gợi mở mới xuất phát từ quản lý thực tiễn của NCS và sẽ được triển khai nghiên cứu của Luận án.

Trên đây là ba vấn đề chưa được các công trình nghiên cứu, dưới dạng Luận án tiến sĩ, Luận văn thạc sĩ hoặc các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ về chủ đề huy động nguồn tài chính đối với GDNN bàn luận nhiều. Do đó, ba vấn đề trên có thể coi là những khoảng trống trong các công trình nghiên cứu đã công bố mà NCS có dịp tiếp cận. Những khoảng trống này có thể là những gợi mở cho NCS tiếp tục nghiên cứu khi triển khai thực hiện bản Luận án của mình với vấn đề huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập ở Việt Nam trong thời gian tới.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu**

#### *Mục tiêu tổng quát*

Xác lập căn cứ khoa học và thực tiễn và đề xuất các giải pháp huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập ở Việt Nam.

#### *Nhiệm vụ nghiên cứu*

- Hệ thống hoá và làm rõ thêm những vấn đề lý luận về huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN.

- Phân tích và đánh giá thực tiễn huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập ở Việt Nam.

- Đổi mới các giải pháp huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập ở Việt Nam.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

*Đối tượng nghiên cứu:* những vấn đề lý luận và thực tiễn về huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập ở Việt Nam.

*Phạm vi nghiên cứu:*

Về nội dung: nghiên cứu vấn đề huy động nguồn tài chính bao gồm cả nguồn NSNN và ngoài NSNN tại các cơ sở GDNN công lập.

Về không gian: Giới hạn trong các cơ sở GDNN công lập và phát 400 phiếu điều tra bằng bảng hỏi gửi đến các sinh viên đang theo học tại 10 trường CDN và 5 trường TCN trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp công lập Việt Nam. Luận án chọn các trường CDN và TCN, bởi tại đây là những đối tượng đang theo học tại các trường CDN và TCN công lập có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và có thể không tiếp tục học nghề nếu không nhận được hỗ trợ từ phía nhà trường và Nhà nước.

Về thời gian: Các tài liệu được thu thập từ 2006 - 2017 và định hướng đến 2025, tầm nhìn đến 2030.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

##### **5.1. Phương pháp luận**

Để thực hiện mục tiêu, phạm vi, đối tượng nghiên cứu của đề tài, NCS sử dụng phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trong suốt quá trình nghiên cứu.

##### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

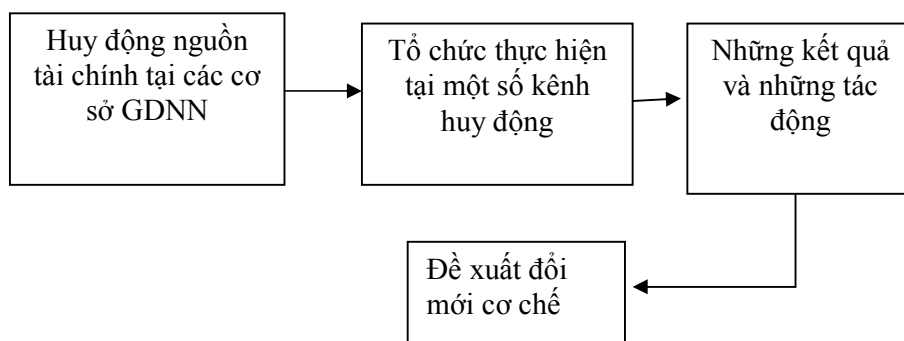
Trong quá trình nghiên cứu, Luận án dựa trên sự kết hợp giữa nghiên cứu định tính và định lượng luận về huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nói chung, và GDNN nói riêng. Phương pháp này còn được sử dụng

trong phân tích tác động của cơ chế huy động nguồn tài chính đến việc tăng cường công tác quản lý nguồn tài chính đối với các cơ sở GDNN, cũng như các nhân tố chủ quan và nhân tố khách quan ảnh hưởng đến huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN.

Phương pháp định lượng được sử dụng để mô tả kết quả cụ thể của cơ chế huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập, trong từng kênh huy động được sử dụng thông qua kết quả điều tra chọn mẫu tại một số cơ sở GDNN điển hình.

Ngoài hai phương pháp trên, tùy thuộc vào từng nội dung nghiên cứu, luận án còn sử dụng phương pháp nghiên cứu cụ thể như phương pháp tổng hợp, phân tích đánh giá, thống kê, mô hình và điều tra chọn mẫu, phỏng vấn về huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN.

Nghiên cứu được thực hiện theo khung nghiên cứu như sau:



**Sơ đồ 1.1. Khung nghiên cứu của Luận án**

*Nguồn: Tổng hợp của NCS*

### **5.3. Phương pháp thu thập số liệu**

*Điều tra qua phiếu khảo sát:* Thông qua việc điều tra khảo sát các sinh viên 10 trường CDN và 5 trường TCN. Đây là nguồn thông tin quan trọng trong việc đánh giá những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định việc tham gia học tập tại các cơ sở GDNN, thông qua kênh hỗ trợ của Nhà nước dưới hình thức tín dụng của sinh viên.